

CHUYÊN ĐỀ

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP KHÁNG NGHỊ PHỨC THẨM CÁC BẢN ÁN DÂN SỰ, HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Kháng nghị là một trong những quyền năng tổ tụng cơ bản và quan trọng nhất của Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng dân sự nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đã và đang được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đặc biệt quan tâm, chỉ đạo trong những năm qua. Thời gian gần đây là Chỉ thị số 07/CT-VKSTC ngày 06/8/2021 với nội dung “*Tiếp tục công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại*”; Chỉ thị 05/CT-VKS ngày 18/10/2022 của Viện trưởng VKSND tối cao về việc thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự và những việc khác theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân hai cấp đã thực hiện tốt công tác kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án, kịp thời phát hiện nhiều vi phạm, ban hành nhiều kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm được Tòa án chấp nhận, bảo đảm việc giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án, đúng quy định của pháp luật. Các quyết định kháng nghị về cơ bản, bảo đảm nội dung, hình thức, có căn cứ lập luận chặt chẽ, chỉ rõ được vi phạm để ban hành kháng nghị. Kết quả công tác kháng nghị của Viện kiểm sát hai cấp đã góp phần quan trọng bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, công tác kháng nghị hiện nay, vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót như: một số vi phạm của Tòa án chưa được Viện kiểm sát phát hiện để thực hiện quyền kháng nghị, chất lượng kháng nghị của

một số Viện kiểm sát cấp huyện, chưa đạt yêu cầu, tỷ lệ bản án, quyết định của Tòa án bị cấp trên hủy, sửa mà không có kháng nghị của Viện kiểm sát còn ở mức cao...

Để phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, thiếu sót và tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Bình Định, theo quy định của pháp luật, trong giải quyết án dân sự, bảo đảm thực hiện tốt yêu cầu về chỉ tiêu về công tác kháng nghị theo Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội và Hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong Ngành được ban hành theo Quyết định số 139/QĐ-VKSTC ngày 29/4/2020, cần có những giải pháp thực hiện đồng bộ, thống nhất ở Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Bình Định. Đó chính là lý do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, xây dựng chuyên đề: Công tác kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự, hôn nhân gia đình.

I/ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM TỪ 01/12/2022 ĐẾN NGÀY 31/5/2024

1. Kết quả đạt được

Từ 01/12/2023 đến 31/5/2024, số vụ án có kháng nghị của VKS tỉnh, cấp huyện là 36/150 vụ án hủy, sửa, chiếm tỷ lệ 24%. Số lượng kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát ngang cấp: 13/21 vụ, đạt 61,9% (vượt 41,9% so với chỉ tiêu); số lượng kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên: 7/21 vụ, đạt 33,3% (vượt 13,3% so với chỉ tiêu); kháng nghị phúc thẩm ngang cấp được Viện kiểm sát cấp phúc thẩm bảo vệ: 23/23 vụ, đạt 100%; tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát bảo vệ kháng nghị phúc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận: 20/23 vụ, đạt 86,9% (vượt 16,9% so với chỉ tiêu); tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát đã rút kháng nghị phúc thẩm (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa): 04/36 đạt 11,1% (cao hơn chỉ tiêu đề ra 6,1%). Do đương sự rút kháng cáo nên Viện tỉnh rút kháng nghị vì kháng nghị không cần thiết (02 vụ), KNPT của VKS huyện thiếu căn cứ, vận dụng pháp luật chưa chính xác (02 vụ).

2. Một số dạng vi phạm của Tòa án bị Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm được Tòa án chấp nhận

2.1. Vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ không khách quan:

Vụ tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSD đất vô hiệu

Nội dung vụ án: Ông Nguyễn Ngọc Thơ, bà Lê Thị Tường đứng tên chủ sở hữu thửa đất số 224, tờ bản đồ số 24, tại thôn Ngọc Thạnh 1, xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, có diện tích 1261,9m² (trong đó 300m² đất ở, 961,9m² đất trồng cây hàng năm, đã được cấp GCNQSD đất số BI 882322 ngày 12/3/2012. Ngày 01/6/2013, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Thơ, bà Lê Thị Tường lập hợp đồng chuyển nhượng đất thổ cư cho vợ chồng ông Nguyễn Trần Phúc và bà Nguyễn Thị Lem, diện tích 318m², giá 120.000.000 đồng. Hợp đồng do hai bên thoả thuận chuyển nhượng ngang 12m, dài 26,5m, loại đất thổ cư, hợp đồng viết giấy tay. Vợ chồng ông Phúc phải chịu mọi chi phí làm thủ tục sang tên. Ngày 19/9/2018, vợ chồng ông Phúc tiếp tục lập hợp đồng chuyển nhượng “giấy chuyển nhượng đất thổ cư” cho bà Trần Thị Hương, diện tích 318m², giá 140.000.000 đồng. Ngày 22/11/2018, vợ chồng ông Thơ nộp hồ sơ tách thành 03 thửa: Thửa thứ nhất: Thửa đất số 224, có diện tích 708m²; thửa thứ hai: số 992, diện tích 256,9m², thửa thứ ba: 993, diện tích 297m². Ngày 04/01/2019, vợ chồng ông Thơ chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Văn Thắng, bà Trương Thị Hương thửa đất số 992, tờ bản đồ số 24, diện tích 256,9m²(trong đó 100m đất ở, 156,9m² đất trồng cây hàng năm), được cấp GCNQSD đất số BI 882322. Ngày 16/01/2019, vợ chồng ông Thơ chuyển nhượng thửa đất số 993, tờ bản đồ số 24, diện tích 297m² (trong đó 50m² đất ở, 247m² đất trồng cây hàng năm) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chính lý sang tên cho ông Trần Công Hậu. Do chưa có nhu cầu sử dụng đất nên ông Hậu để đất trống, sau đó, ông Hậu lên cải tạo đất thì anh Huỳnh Lập cho rằng đất này ông Thơ đã bán cho vợ chồng ông Nguyễn Trần Phúc, bà Nguyễn Thị Lem và vợ chồng ông Lập, bà Hương mua lại của vợ chồng ông Phúc, bà Lem. Ông Hậu làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 01/6/2013 giữa vợ chồng ông Thơ, bà Tường và vợ chồng ông Phúc vô hiệu. Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 19/9/2018 giữa vợ chồng ông Phúc, bà Hương vô hiệu; Công nhận QSD đất hợp pháp cho ông.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Hậu.

1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSD đất thổ cư được xác lập ngày 01/6/2013 giữa bên chuyển nhượng và vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Thơ, bà Lê Thị Tường với bên nhận chuyển nhượng vợ chồng ông Nguyễn Trần Phúc, bà Nguyễn Thị Lem vô hiệu.

2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSD đất thổ cư được xác lập ngày 19/9/2018 giữa bên chuyển nhượng và vợ chồng ông Nguyễn Trần Phúc, bà Nguyễn Thị Lem với bên nhận chuyển nhượng bà Trần Thị Hương vô hiệu.

3. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Trần Phúc, bà Nguyễn Thị Lem có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông Huỳnh Lập, bà Trần Thị Hương số tiền 140.000.000đ.

4. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Thơ, bà Lê Thị Tường có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông Huỳnh Lập, bà Trần Thị Hương số tiền 460.000.000đ.....

Viện KSND huyện Tuy Phước đã ban hành QĐKN số 02/QĐ-VKS ngày 14/4/2023 với nội dung: Tòa án buộc vợ chồng ông Thơ, bà Tường có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông Huỳnh Lập, bà Trần Thị Hương 460.000.000đ là không có cơ sở. Vì vợ chồng ông Lập không giao kết hợp đồng mua bán với vợ chồng ông Thơ, bà Tường. Vợ chồng ông Thơ, bà Tường không nhận tiền chuyển nhượng QSD đất với vợ chồng ông Lập, mà vợ chồng ông Thơ, bà Tường chỉ giao dịch và nhận tiền của vợ chồng ông Phúc, bà Lem giá 120.000.000đ. Ông Thơ, bà Tường không thừa nhận có giao dịch hay hứa hẹn với ông Lập. Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 19/9/2018 do ông Phúc, bà Lem và bà Hương có thỏa thuận cam kết thửa đất thuộc sở hữu của vợ chồng ông Phúc, bà Lem. Vợ chồng ông Phúc có trách nhiệm làm thủ tục sang nhượng cho bà Hương, nếu có tranh chấp về thửa đất vợ chồng ông Phúc, bà Lem hoàn toàn chịu trách nhiệm. Trong khi vợ chồng ông Phúc, bà Lem không yêu cầu vợ chồng ông Thơ bồi thường hợp đồng ngày 01/6/2013. Do đó, vợ chồng ông Phúc, bà Lem phải là người chịu trách nhiệm bồi thường cho bà Hương. Ông Phúc, bà Lem chưa có ý kiến chuyển giao nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng ông Thơ, bà Tường và vợ chồng ông Thơ, bà Tường không có ý kiến đồng ý nghĩa vụ bồi thường cho bà Hương. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lỗi hoàn toàn do vợ chồng ông Thơ và buộc vợ chồng ông Thơ thanh toán toàn bộ giá trị sử dụng diện tích đất 300m² đất ở là không có căn cứ.

Bản án dân sự phúc thẩm số 57/DS-PT ngày 21/3/2024 của TAND tỉnh Bình Định chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện Tuy Phước, chấp nhận kháng cáo của ông Thơ, bà Tường, sửa bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện Tuy Phước, BĐ

2.2. Vi phạm không thu thập xác minh, tài liệu chứng cứ, không tiến hành xem xét tại chỗ, không đưa đầy đủ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng

Vụ tranh chấp QSD đất và thu dọn tài sản

Nội dung vụ án: Lô 7A, khoảnh 2, diện tích 1,9ha đất trồng rừng tại Khu phố Lại Khánh Tây, phường Hoài Đức, TX Hoài Nhon, BĐ đã được UBND huyện Hoài Nhon giao đất và cấp QĐ số 1498/QĐ-UB ngày 08/12/1994 cho ông Đức sử dụng trồng rừng theo dự án PAM-4304 với thời hạn sử dụng là 50 năm. Từ khi giao đất canh tác, ông Đức trồng bạch đàn, keo lai. Đến đầu tháng 10/2015, sau khi ông khai thác xong chuẩn bị trồng mới thì ông Danh, ông Dự đến chiếm 4.459m², ông Bình chiếm 3.022,5m², bà Dư chiếm 1.426,0m², bà Cửa chiếm 1.560,0m² sử dụng trồng cây keo lai. Ông Đức yêu cầu Toà án buộc ông Danh, ông Bình, ông Dự, bà Dư, bà Cửa phải thu dọn cây keo lai trồng và trả lại đất đã chiếm cho ông Đức.

Toà án cấp sơ thẩm tuyên: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Danh, vợ chồng ông Đỗ Văn Dự phải thu dọn toàn bộ cây trồng keo lai và trả lại phần đất lấn chiếm sử dụng có diện tích 4.459m² đất trồng rừng thuộc Lô 7A, khoảnh 2 (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01- bản đồ lâm nghiệp dự án 672) tại Khu phố Lại Khánh Tây, phường Hoài Đức, TX Hoài Nhon, BĐ cho ông Bùi Minh Đức sử dụng.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức Bình phải thu dọn toàn bộ cây trồng keo lai và trả lại phần đất đã chiếm dụng có diện tích 3.022,5m² đất trồng rừng thuộc Lô 7A, khoảnh 2 (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01 - bản đồ lâm nghiệp dự án 672) tại Khu phố Lại Khánh Tây, phường Hoài Đức, TX Hoài Nhon, BĐ) cho ông Bùi Minh Đức sử dụng.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Dư phải thu dọn toàn bộ cây trồng keo lai và trả lại phần đất đã chiếm dụng có diện tích 1.426m² đất trồng rừng thuộc Lô 7A, khoảnh 2 (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01 - bản đồ lâm nghiệp dự án 672) tại Khu phố Lại Khánh Tây, phường Hoài Đức, TX Hoài Nhon, BĐ) cho ông Bùi Minh Đức sử dụng.

Buộc bà Huỳnh Thị Cửa phải thu dọn toàn bộ cây trồng keo lai và trả lại phần đất đã chiếm dụng có diện tích 1.560 m² đất trồng rừng thuộc Lô 7A, khoảnh 2 (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01 - bản đồ lâm nghiệp dự án 672) tại Khu phố Lại Khánh Tây, phường Hoài Đức, TX Hoài Nhon, BĐ) cho ông Bùi Minh Đức sử dụng.....

Viện KSND thị xã Hoài Nhon, tỉnh BĐ đã ban hành QĐKN số 598/QĐ-VKS ngày 21/9/2023 với nội dung: Ông Hồ Minh Khánh, ông Hồ Hoài Thanh, ông Hồ Văn Nung, ông Lê Văn Lệ, ông Nguyễn Văn Thuỳ, bà Đặng Thị Kim Hương sau

khi có QĐ giao đất, ông Đức đã được các cơ quan chức năng giao đất trên thực địa nhưng hiện nay các ông, bà không xác định được ranh giới, vị trí của phần diện tích 1,9ha đất rừng mà ông Đức được giao đã bị một số hộ dân khác lấn chiếm, sử dụng từ năm 2010 (phần này ông Đức không yêu cầu giải quyết) nên diện tích hiện trạng còn lại 11.324m². UBND thị xã Hoài Nhơn có văn bản trả lời hồ sơ giao đất cho ông Đức bị thất lạc trong quá trình lưu trữ. Theo dữ liệu đất đai do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TX. Hoài Nhơn cung cấp thì Lô đất 7A, khoảnh 2, trước đây nay là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 01, bản đồ lâm nghiệp-dự án 672, trên hệ thống quản lý để đối chiếu với hiện trạng, kích thước, hình thể, giới cận Lô đất 7A mà các bên đang sử dụng. Từ đó, mới có cơ sở xác định phần đất mà các bị đơn đang sử dụng có phải lấn chiếm của ông Bùi Minh Đức một phần hay toàn bộ, là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Toà án chưa tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ để xác định hiện trạng sử dụng đất của nguyên đơn, bị đơn. Tại đơn xin giao đất ngày 20/7/1994, ông Bùi Minh Đức đứng đơn xin giao đất với tư cách chủ hộ, trong hộ có 07 nhân khẩu, tại sơ đồ thửa đất giao cho ông Bùi Minh Đức trồng rừng cũng ghi là chủ hộ Bùi Minh Đức nhưng Quyết định giao đất ghi ông Bùi Minh Đức là có sự mâu thuẫn với đơn xin giao đất và hồ sơ giao đất để làm rõ phần diện tích đất trên là giao cho hộ ông Đức hay cá nhân ông Đức để đưa những người trong hộ ông Đức vào tham gia tổ tụng là bỏ sót người tham gia tổ tụng. Như vậy, Toà án ND TX. Hoài Nhơn đã vi phạm việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ nhưng Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở.

Bản án dân sự phúc thẩm số 05/DS-PT ngày 05/ 01/2024 của TAND tỉnh Bình Định chấp nhận kháng nghị của VKSND thị xã Hoài Nhơn, BĐ, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, huỷ bản án dân sự sơ thẩm của TAND thị xã Hoài Nhơn, BĐ, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

2.3. Vi phạm trong việc xác định giá trị tài sản thừa kế

Vụ tranh chấp thừa kế tài sản

Nội dung vụ án: Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.442m² (trong đó 200m² đất ở, 1.242m² đất vườn) được UBND huyện Tây Sơn cấp GCNQSD đất ngày 10/11/1993 cho hộ cụ Nguyễn Đâu. Thửa đất số 585^B được cân đối giao quyền cho hộ cụ Đâu theo NĐ 64/CP ngày 17/9/1993 của Chính phủ. Tại thời điểm cân đối giao quyền, hộ cụ Đâu có 08 nhân khẩu: cụ Nguyễn Đâu, ông Nguyễn Khánh, bà Nguyễn Thị Lý, chị Nguyễn Thị Thuý Liễu, chị Nguyễn Thị Kim Liên,

chị Nguyễn Thị Phương Loan, chị Nguyễn Thị Kim Cương, chị Nguyễn Thị Bích Sa.

Toà án sơ thẩm nhận định: Tại thời điểm cân đối giao QSD đất theo ND 64/CP ngày 27/9/1993 thì vợ chồng cụ Đâu và vợ chồng ông Khánh cùng ở chung một nhà nên diện tích 200m² đất ở thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cụ Đâu và vợ chồng ông Khánh nên xác định di sản thừa kế của cụ Đâu để lại là không đúng.

Ngày 24/01/2024, Viện KSND huyện Tây Sơn ban hành Kháng nghị số 24 nội dung: 200m² đất ở là di sản của vợ chồng cụ Đâu để lại, Nhà nước không cân đối giao quyền cho hộ cụ Đâu theo ND 64/CP.

Bản án dân sự phúc thẩm số 104/DS-PT ngày 13/6/2024 của TAND tỉnh Bình Định chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện Tây Sơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện Tây Sơn, tỉnh BD.

3. Một số tồn tại, hạn chế trong công tác kháng nghị phúc thẩm dẫn đến Viện KSND tỉnh rút kháng nghị, hoặc Toà án không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm

3.1. Các trường hợp rút kháng nghị

Một số vụ án, sau khi xét xử sơ thẩm mặc dù quyết định của bản án có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng họ không có đơn kháng cáo hoặc có đơn kháng cáo nhưng trước hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự rút đơn kháng cáo hoặc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện buộc VKS phải rút kháng nghị. Số lượng rút kháng nghị phúc thẩm của VKS cấp huyện 07/08 vụ (01 vụ VKS Hoài Nhơn tự rút trước khi cấp phúc thẩm xét xử), chiếm tỷ lệ **11,1%**. Trong đó: 01 vụ của VKS Tây Sơn do đương sự rút kháng cáo; 01 vụ tại phiên tòa, công nhận sự thoả thuận của các đương sự nên Viện tỉnh rút kháng nghị tại phiên tòa (phòng 9); 02 vụ của VKS Phù Cát do đương sự không kháng cáo nên Viện tỉnh rút kháng nghị; 01 vụ của VKS Hoài Nhơn do phát sinh tình tiết mới nên kháng nghị không cần thiết, phải rút kháng nghị; 02 vụ Quyết định kháng nghị của VKS cấp huyện thiếu căn cứ, vận dụng pháp luật chưa chính xác nên dẫn đến Viện KSND tỉnh không thể bảo vệ KNPT được, buộc phải rút kháng nghị tại phiên tòa, như:

+ Vụ: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc (Tây Sơn)

Nguyên đơn: Trần Quốc Pha

Bị đơn: Nguyễn Quang Hiếu.

Ngày 11/9/2023, VKSND huyện Tây Sơn ban hành Kháng nghị số 307/QĐ-VKS kháng nghị một phần bản án, đề nghị cấp phúc thẩm tăng mức phạt cọc 03 lần số tiền đã đặt cọc trong hợp đồng là 300.000.000 đồng đối với hợp đồng đặt cọc ngày 04/6/2022 cho thửa đất số 147, tờ bản đồ số 5, diện tích 193,8m² theo GCNQSD đất. Viện tỉnh rút kháng nghị của VKS Tây Sơn thiếu căn cứ vì lúc đầu hai bên thoả thuận phạt cọc gấp 10 lần, sau đó thoả thuận 03 lần nhưng bị đơn không thống nhất nên căn cứ Điều 328 BLDS quy định phạt cọc 02 lần. Do nguyên đơn kháng cáo, yêu cầu bị đơn phải chịu phạt cọc gấp 10 lần. Bản án phúc thẩm số 14 ngày 12/01/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên y án sơ thẩm.

+ Vụ: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn (An Nhơn)

Nguyên đơn: Ngô Đắc Tịnh

Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng Phương

Do đương sự không kháng cáo, VKSND TX.An Nhơn kháng nghị thiếu căn cứ để thay đổi quyền nuôi con nên Viện tỉnh không bảo vệ kháng nghị được, rút kháng nghị.

3.2. Các trường hợp Toà phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị

Do VKS và Toà án có quan điểm khác nhau trong việc đánh giá các tài liệu chứng cứ, áp dụng pháp luật, thẩm quyền huỷ GCNQSD đất nên kháng nghị phúc thẩm của VKS cấp huyện có căn cứ nhưng không được Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, như:

+ Vụ 1: Đòi lại nhà cho ở nhờ và huỷ di chúc

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc Lan

Bị đơn: Trần Ngọc Sinh

Do bị đơn anh Trần Ngọc Sinh có đơn phản tố yêu cầu huỷ di chúc, huỷ GCNQSD đất. Vì đương sự có yêu cầu huỷ GCNQSD đất nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định theo quy định tại Điều 34 BLTTDS năm 2015. Ngày 31/8/2023, VKSND TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định ban hành kháng nghị số 03/QĐ-VKS đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 183/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, BĐ và giữ hồ sơ lại Toà án ND tỉnh Bình Định để giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền. Bản án dân sự phúc thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 03/4/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định nhận định không có căn cứ xác định quyết định cá biệt trái

pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án ND TP. Quy Nhơn, tỉnh BĐ.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Viện tỉnh đã có Thông báo đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm số 763 ngày 22/5/2024 đến Viện KSND cấp cao 2 để xem xét thủ tục GĐT.

+ Vụ 2: Tranh chấp thừa kế tài sản

Nguyên đơn: Nguyễn Văn Hạng

Bị đơn: Nguyễn Văn Bút.

Ngày 03/8/2023, VKSND tỉnh Bình Định ban hành kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023 ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, với nội dung: Biên bản họp gia đình ngày 03/10/2004 do cụ Dật tổ chức và các con của cụ Dật giao toàn bộ di sản thừa kế của cụ Châu và một phần di sản của cụ Dật cho ông Nguyễn Văn Bút. Biên bản giao thừa kế lập các nội dung phù hợp theo quy định tại Điều 631 BLDS năm 2015, thể hiện rõ ý chí của cụ Dật để lại tài sản của cụ cho ông Nguyễn Văn Bút sở hữu, sử dụng là hoàn toàn tự nguyện, công khai đều được các con của cụ Châu, cụ Dật thừa nhận. Bản án sơ thẩm cho rằng biên bản giao thừa kế nêu trên có nội dung không rõ ràng, không đúng quy định tại Điều 463 BLDS năm 1995 là không phù hợp theo quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bút. Bản án dân sự phúc thẩm số 95/2024 ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận định: Biên bản họp giao thừa kế lập ngày 03/10/2004 là biên bản họp gia đình, có nội dung thể hiện ý chí của cụ Nguyễn Dật và các con của cụ Dật, không phải là di chúc do cụ Dật lập theo quy định của pháp luật. Tại buổi họp giao thừa kế, ông Nguyễn Văn Hạng và bà Nguyễn Thị Điều không có mặt nên nội dung giao tài sản trong biên bản họp giao thừa kế lập ngày 03/10/2004 không được sự thống nhất trong gia đình cụ Dật. Nội dung biên bản họp không đúng theo quy định tại Điều 656 BLDS năm 1995, Điều 631 BLDS năm 2015. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Bình Định.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Viện tỉnh đã có Thông báo đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm số 938 ngày 21/6/2024 đến Viện KSND cấp cao 2 để xem xét thủ tục GĐT.

+ Vụ 3: Tranh chấp QSD đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở QSD đất

Nguyên đơn: Trịnh Tăng Tài

Bị đơn: Hồ Văn Tường

Ngày 21/9/2023, VKSND TX. Hoài Nhơn ban hành kháng nghị phúc thẩm số 579/QĐ-VKS đối với bản án số 266/2023/DS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án ND TX. Hoài Nhơn, BĐ đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Bản án phúc thẩm số 60/2024 ngày 27/3/2024 nhận định căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 BLTTDS 2015 thì kháng nghị của VKSND TX. Hoài Nhơn là có căn cứ nhưng phần Quyết định của KNPT đề nghị huỷ bản án sơ thẩm mà HĐXX chỉ sửa bản án nên không chấp nhận KNPT. Do không cần thiết phải huỷ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên không chấp nhận kháng nghị của VKS TX. Hoài Nhơn, BĐ.

4. Một số vụ án bị cấp phúc thẩm huỷ, sửa nghiêm trọng nhưng không có kháng nghị phúc thẩm

Diễn hình như:

+ *Vụ tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản.*

Nguyên đơn: Chi cục THADS huyện Hoài Ân

Bị đơn: Thái Thị Hiền

Toà án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ về hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn giữa đương sự và ngân hàng, không lấy lời khai xác minh làm rõ về QSH tài sản, QSD đất cũng như công sức đóng góp của các thành viên trong gia đình và khối tài sản đang thế chấp tại ngân hàng. Toà án cấp sơ thẩm không đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng là bỏ sót người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

+ *Vụ tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản. (HN)*

Nguyên đơn: Trịnh Thị Dung

Bị đơn: Võ Nhu

Diện tích, hình thể, tứ cận của thửa đất 202 theo GCNQSD đất cho hộ ông N năm 2007 và hiện trạng hiện nay không phù hợp, mâu thuẫn nhưng chưa được Toà án cấp sơ thẩm làm rõ về nguyên nhân diện tích đất của ông N tăng từ 713m² lên đến 1.202,8m². Nguyên nhân diện tích đất tăng do đâu, trước khi cấp GCNQSD đất cho hộ ông N do ai quản lý, để đưa họ vào tham gia tố tụng. Do đó, cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên phải huỷ bản án dân sự sơ thẩm để cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

+ Vụ Chia tài sản sau ly hôn: (HÁ)

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Nguyệt

Bị đơn: Huỳnh Xuân Mai

Ngày 22/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nguyệt. Đơn khởi kiện của bà Nguyệt không có ngày, tháng, năm, nội dung yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyệt và ông Huỳnh Xuân Mai sau khi ly hôn nhưng không nêu cụ thể tài sản chung mà bà Nguyệt yêu cầu chia gồm những loại tài sản nào, ở đâu do ai đang trực tiếp quản lý, sử dụng và có giá trị là bao nhiêu. Đơn khởi kiện của bà Nguyệt là không đảm bảo về nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 189 BLTTDS. Sau khi Thẩm phán được phân công, nhận được đơn khởi kiện, phải yêu cầu đương sự bổ sung đơn khởi kiện nhưng Thẩm phán lại làm thủ tục thụ lý vụ án, dẫn đến không xác định được phạm vi khởi kiện cụ thể của đương sự là yêu cầu chia những loại tài sản nào. Vì vậy, Tòa án thông báo cho bà Nguyệt nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng là không đúng theo hướng dẫn của NQ 326 của QH. Mặt khác, Thẩm phán không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không giải quyết hết yêu cầu của bị đơn và nhận định nếu sau này ông Mai có chứng cứ thì khởi kiện bằng một vụ án khác là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 195 ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

+ Vụ yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở QSD đất (PM)

Nguyên đơn: Trương Xuân Phước

Bị đơn: Võ Văn Tài

Toà án cấp sơ thẩm chưa thực hiện việc thu thập chứng cứ về nguồn gốc đất, quá trình kê khai, đăng ký sử dụng đất qua các thời kỳ đối với thửa đất số 99 là thiếu sót, chưa đầy đủ. Thửa đất trên có liên quan đến hộ ông Huỳnh Xuân Liên trước khi ông Liên chuyển nhượng thửa đất lại cho ông Phước nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai đối với ông Liên là thiếu sót. Do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 113 ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

+ Vụ yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở QSD đất, huỷ hợp đồng mua bán nhà (TP).

Nguyên đơn: Dương Đình Tân

Bị đơn: Mai Xuân Thanh

Năm 1993, vợ chồng ông Thanh cho gia đình ông Quang ở nhờ nhưng sau đó ông Quang tự ý kê khai, chuyển nhượng đất và nhà của ông Thanh cho ông Hà, ông Được, ông Tân nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông Huỳnh Xuân Hà là người đã nhận chuyển nhượng một phần thửa đất 366 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của bị đơn đòi lại đất của ông Thanh, bà Thính là vi phạm thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ, bỏ sót người tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì vậy, phải huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Tuy Phước giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Các bản án bị cấp phúc thẩm huỷ, VKSND tỉnh Bình Định đã ban hành thông báo rút kinh nghiệm số 479 ngày 24/3/2024; ban hành thông báo rút kinh nghiệm số 721, 725 ngày 14/5/2024, gửi đến 11 VKS huyện, thị xã, thành phố để nghiên cứu, tham khảo và rút kinh nghiệm chung trong việc phát hiện và xử lý vi phạm.

5. Một số hạn chế, thiếu sót khác trong công tác kháng nghị phúc thẩm

Về số lượng kháng nghị, việc kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án ở một số đơn vị cấp huyện hiệu quả còn thấp; chưa phát hiện được vi phạm trong bản án, quyết định của Tòa án, đặc biệt là vi phạm về nội dung để thực hiện quyền kháng nghị. Còn một số Viện kiểm sát huyện trong kỳ không phát hiện được vi phạm của Tòa án để ban hành kháng nghị.

Chất lượng kháng nghị của một số đơn vị còn chưa đạt yêu cầu (có vụ việc có căn cứ kháng nghị nhưng kháng nghị không nêu bật được vi phạm cụ thể của Tòa án); còn có trường hợp phải rút kháng nghị hoặc không được HĐXX chấp nhận kháng nghị.

Một số đơn vị VKS cấp Huyện chưa gửi đầy đủ, kịp thời phiếu kiểm sát bản án, quyết định cho Viện kiểm sát tỉnh, dẫn đến hết thời hạn, không thực hiện thẩm quyền kháng nghị.

II/ NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ, THIẾU SÓT

1. Nguyên nhân khách quan

Một số quy định pháp luật còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, thay đổi theo từng thời kỳ, chưa được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn đầy đủ, dẫn đến có nhiều cách hiểu, áp dụng pháp luật không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, khó khăn cho Kiểm sát viên khi nghiên cứu, giải quyết vụ án, bảo vệ kháng nghị của Viện kiểm sát, trong một số trường hợp.

Do VKS phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, để xem xét kháng nghị nên phần nào ảnh hưởng đến thời hạn, số lượng, chất lượng kháng nghị.

Số lượng vụ việc dân sự xu hướng ngày một gia tăng, phức tạp nhưng số lượng Kiểm sát viên, công chức làm công tác này còn thiếu, chuyên môn không đồng đều, một số cán bộ, KSV còn phải làm công tác kiêm nhiệm, nên có những thời điểm quá tải, KSV không đủ thời gian nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án.

2. Nguyên nhân chủ quan

Lãnh đạo một số Viện kiểm sát cấp huyện chưa thực sự quan tâm đúng mức công tác này, việc bố trí công chức làm khâu công tác dân sự, còn kiêm nhiệm, chưa có kinh nghiệm và thiếu sự ổn định nên trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến chất lượng công tác kiểm sát chưa được bảo đảm. Trong công tác chỉ đạo điều hành, một số Lãnh đạo Viện còn thiếu kiên quyết trong việc xử lý vi phạm của bản án, quyết định.

Đối với những vụ án bị huỷ, sửa nghiêm trọng có trách nhiệm của KSV, Lãnh đạo đơn vị phải tổ chức họp đánh giá rút kinh nghiệm nghiêm túc, thiếu sót của KSV, không phát hiện ra những vi phạm của Tòa án để nâng cao ý thức trách nhiệm của KSV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Việc chủ động trong nghiên cứu, học tập của một số cán bộ, Kiểm sát viên, còn hạn chế; chưa đề cao trách nhiệm, chưa có nhiều kinh nghiệm, kỹ năng trong nhận diện và phát hiện vi phạm của Tòa án và các cơ quan, tổ chức có liên quan nên chưa kịp thời phát hiện vi phạm để đề xuất Lãnh đạo đơn vị ban hành kiến nghị, kháng nghị; không kịp thời ban hành yêu cầu xác minh để Tòa án thu thập thêm tài liệu.

Tòa án cấp sơ thẩm chậm gửi hoặc không gửi các văn bản tố tụng cho VKS làm ảnh hưởng đến quyền kháng nghị của Viện kiểm sát, nhất là đối với các trường

hợp Bản án, quyết định sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án.

Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa VKS cấp trên và VKS cấp dưới trong việc trao đổi thông tin, đánh giá chứng cứ, xác định vi phạm của Toà án để ban hành kháng nghị, dẫn đến án bị huỷ, sửa nghiêm trọng có lỗi của VKS.

III/ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHÁNG NGHỊ, KIẾN NGHỊ TRONG CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ÁN DÂN SỰ

1. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo điều hành:

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 07/CT-VKSTC ngày 06/8/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tăng cường công tác kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm dân sự, hôn nhân gia đình là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của khâu công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Ngay từ đầu năm, đơn vị triển khai Chương trình công tác, lãnh đạo đơn vị đã quán triệt, chỉ đạo đến toàn bộ cán bộ, KSV tập trung thực hiện tốt khâu công tác đột phá đã chọn và quyết tâm thực hiện.

Chú trọng tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt công tác kháng nghị phúc thẩm đối với các Bản án, Quyết định dân sự, xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác Kế hoạch năm, là căn cứ để xét thi đua, khen thưởng.

Tăng cường kiểm sát chặt chẽ Bản án, quyết định giải quyết vụ, việc dân sự của Toà án, đơn đốc, yêu cầu Toà án gửi các Bản án, quyết định cho Viện KSND đúng thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc kiểm sát bản án, quyết định của Toà án là một trong những nhiệm vụ chính, quan trọng trong lĩnh vực công tác này; là tiền đề, để kịp thời phát hiện vi phạm của Toà án, làm cơ sở để thực hiện tốt công tác kháng nghị phúc thẩm có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm của VKSND đã có hiệu quả, cả về số lượng, lẫn chất lượng.

Căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ của KSV, Trưởng Phòng phân công phù hợp với khả năng, trình độ, phát huy thế mạnh của từng cán bộ, KSV. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra công việc; phân công từng KSV theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ cho Viện KSND cấp huyện và kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm của Toà án cấp huyện theo địa bàn phụ trách. Mỗi KSV đều phụ trách từ 2 đến ba đơn vị VKS cấp huyện. Qua kiểm sát bản án, phát hiện được các vi phạm của Toà án cấp huyện, báo cáo Trưởng Phòng, Trưởng phòng nghiên cứu thấy có căn cứ, tham mưu cho

Lãnh đạo Viện tỉnh ban hành kháng nghị phúc thẩm đối với các bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới khi có vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, Phòng 9 tham mưu cho Viện trưởng báo cáo Viện KSND cấp cao, Viện trưởng Viện KSNDTC kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Trưởng phòng 9 tham mưu cho Viện trưởng Viện KSND tỉnh bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị của Viện trưởng Viện KSND cấp huyện, theo dõi, quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra đối với Viện KSND cấp huyện về nghiệp vụ công tác kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự nói chung và về công tác kháng nghị phúc thẩm nói riêng. Đối với các kháng nghị được Tòa án xét xử chấp nhận, Phòng 9 thông báo cho Viện kiểm sát cấp dưới tham khảo, rút kinh nghiệm chung.

2. Đối với cán bộ, Kiểm sát viên:

Cán bộ, KSV hai cấp Viện KSND tỉnh Bình Định luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trước nhiệm vụ được giao, nghiên cứu kỹ hồ sơ, thường xuyên trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giữ vững bản lĩnh nghề nghiệp, nắm chắc các quy định của pháp luật, nhất là các văn bản mới, nâng cao kỹ năng phát hiện vi phạm để tham mưu cho Viện trưởng ban hành kháng nghị có căn cứ, đúng pháp luật; thể hiện được vai trò, quyền hạn, đáp ứng với yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình hiện nay và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong công tác kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự nhằm nêu cao được vị thế của Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động tư pháp.

Khi kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm, cần thận trọng nghiên cứu từng vấn đề, tập trung vào những vi phạm mà Tòa án thường vi phạm như: xác định tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, đánh giá toàn bộ chứng cứ, làm cơ sở đối chiếu với quyết định giải quyết của bản án sơ thẩm có vi phạm về tố tụng hay không? Việc áp dụng, xác định quan hệ pháp luật, đã đầy đủ và chính xác chưa; Kiểm tra tính hợp pháp của các chứng cứ do đương sự xuất trình. Chứng cứ do các đương sự đưa ra có được xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện và khách quan không; Phát hiện các vi phạm được kịp thời, đề xuất tham mưu đến lãnh đạo Phòng và Lãnh đạo Viện thực hiện ban hành kháng nghị phúc thẩm đối với các vi phạm nghiêm trọng được chính xác và có căn cứ, đúng pháp luật; tập hợp kiến nghị đối với các vi phạm ít nghiêm trọng.

Cán bộ, Kiểm sát viên thường xuyên nghiên cứu các Thông báo rút kinh nghiệm của Viện kiểm sát cấp cao, Viện KSNDTC. Qua đó, nắm bắt được các dạng vi phạm trong bản án, quyết định sơ thẩm để thực hiện tốt kỹ năng, nhận diện các dạng vi phạm, trong từng vụ việc.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, lãnh đạo đơn vị luôn quan tâm đến việc xây dựng đoàn kết, hợp tác trong đơn vị để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

3. Công tác phối hợp:

Công tác phối hợp luôn được lãnh đạo VKS hai cấp quan tâm. Trước hết, là quan hệ phối hợp với Viện kiểm sát Cấp cao 2 trong việc thống nhất nhận thức pháp luật và áp dụng pháp luật.

Trong quá trình kiểm sát bản án, lãnh đạo đơn vị tiếp tục, duy trì phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tỉnh trong việc đánh giá vi phạm các bản án sơ thẩm của cấp huyện để tạo sự thống nhất trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật của hai Ngành. Vì vậy, các kháng nghị phúc thẩm do Phòng tham mưu cho Lãnh đạo Viện luôn đảm bảo tính có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; tỉ lệ chấp nhận kháng nghị cao, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Phòng 9 - Viện tỉnh và Viện kiểm sát cấp huyện, trong việc thỉnh thị ý kiến, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, trao đổi nghiệp vụ và phối hợp chặt chẽ đối với từng vụ việc, trước khi Viện kiểm sát cấp dưới ban hành kháng nghị phúc thẩm, báo cáo đề nghị Viện tỉnh xem xét kháng nghị phúc thẩm đối với những trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị của VKS cấp huyện.

Trên đây là thực trạng và giải pháp kháng nghị phúc thẩm các bản án dân sự, hôn nhân gia đình của Viện KSND tỉnh Bình Định để Viện KSND cấp huyện, thị xã, thành phố quán triệt đến cán bộ, kiểm sát viên trong đơn vị biết, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng kháng nghị phúc thẩm đối với các bản án, quyết định của Tòa án.

